



CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ

Số: 01980/23CT-HSCR

Bản danh mục này phải được đính kèm với Giấy chứng nhận an toàn tàu cao tốc số: 01980/23CT-HSC

Bản danh mục này thỏa mãn Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu thủy cao tốc (QCVN 54: 2019/BGTVT) và các quy chuẩn liên quan khác

1 Đặc điểm tàu

- 1.1 Tên tàu: CÔN ĐẢO EXPRESS 36
- 1.2 Hồ hiệu: XVHD3
- 1.3 Số phân cấp: VR194316
- 1.4 Loại tàu: ☒ Tàu khách ☐ Tàu hàng
- 1.5 Số lượng hành khách tàu được phép chở: 598
- 1.6 Tuyến hoạt động: Từ bờ ra đảo Phú Quốc, Vũng Tàu-Côn Đảo, Phan Thiết-Phú Quý
- 1.7 Điều kiện hoạt động: Theo đồ thị tương quan giữa chiều cao sóng đáng kể với tốc độ cho phép của tàu (Xem đồ thị kèm theo GCN cấp tàu).
- 1.8 Các hạn chế khác: --
- 1.9 Số người tối thiểu yêu cầu có chứng chỉ chuyên môn sử dụng trang bị VTĐ: 01

2 Các phương tiện cứu sinh

1. Tổng số người trên tàu được trang bị cứu sinh	612
2. Tổng số xuống cứu sinh	--
2.1 Tổng số người được chở bằng xuống cứu sinh	
2.2 Số lượng xuống cứu sinh có mái che một phần	--
2.3 Số lượng xuống cứu sinh có mái che toàn phần	--
2.4 Các xuống cứu sinh khác	
2.4.1 Số lượng	--
2.4.2 Kiểu	
3. Số lượng xuống cấp cứu	2
3.1 Số lượng xuống cấp cứu tính vào tổng số xuống cứu sinh nêu trên	--
4. Phao bè tự thổi	
4.1 Số lượng phao bè	--
4.2 Số người các phao bè chở được	
5. Phao bè hở có thể lật được	
5.1 Số lượng phao bè	7
5.2 Số người các phao bè chở được	700
6. Số lượng hệ thống sơ tán hàng hải	--
6.1 Số người mà hệ thống sơ tán hàng hải phục vụ được	
7. Số lượng phao tròn	8
8. Số lượng phao áo	
8.1 Số lượng phù hợp cho người lớn	649
8.2 Số lượng phù hợp cho trẻ em	--
9. Trang bị vô tuyến điện dùng trên các phương tiện cứu sinh	
9.1 Số lượng thiết bị phát báo ra đa	2
9.2 Số lượng thiết bị vô tuyến điện thoại hai chiều VHF	3

3 Các hệ thống và thiết bị hàng hải

1.	La bàn từ chuẩn	Có trang bị
2.	La bàn điện	Có trang bị
3.	Thiết bị phát hướng (THD)	Có trang bị
4.	Thiết bị đo tốc độ và hành trình (so với nước/ dopple)	Có trang bị, --
5.	Thiết bị đo sâu	Có trang bị
6.1	Ra đa 9 GHz	Có trang bị
6.2	☒ Thiết bị đồ giải ra đa tự động (ARPA)	Có trang bị
	☐ Thiết bị dò tìm mục tiêu tự động (ATA)	
6.3	Ra đa thứ hai: ☐ 3 GHz ☒ 9 GHz	Có trang bị
7.	Thiết bị thu tín hiệu từ hệ thống vệ tinh hàng hải toàn cầu (GPS)	Có trang bị
8.	Thiết bị chỉ báo tốc độ quay trở tàu	--
9.1	☒ Thiết bị chỉ báo góc bánh lái	Có trang bị
9.2	☐ Thiết bị chỉ báo hướng lực đẩy dùng để lái tàu	
10.	☒ Hải đồ	Có trang bị
11.	Đèn tìm kiếm	--
12.	Đèn tín hiệu ban ngày	Có trang bị
13.	Thiết bị quan sát ban đêm	Có trang bị
14.	☐ Thiết bị phản xạ ra đa thụ động	--
15.	Hệ thống thu nhận âm thanh	--
16.	Hệ thống nhận dạng tự động (AIS)	Có trang bị
17.	Ân phẩm hàng hải	Có trang bị

4 Trang bị vô tuyến điện

1.	Hệ thống chính	
1.1	Thiết bị vô tuyến điện VHF DSC	Có trang bị
1.1.1	Bộ mã hóa gọi chọn số	Có trang bị
1.1.2	Bộ thu trực canh gọi chọn số	Có trang bị
1.1.3	Bộ thu phát vô tuyến điện thoại	Có trang bị
1.2	Thiết bị vô tuyến điện MF/HF	Có trang bị
1.2.1	Bộ mã hóa gọi chọn số	Có trang bị
1.2.2	Bộ thu trực canh gọi chọn số	Có trang bị
1.2.3	Bộ thu phát vô tuyến điện thoại	Có trang bị
1.2.4	Bộ in trực tiếp vô tuyến điện báo (NBDP)	--
2.	Máy thu NAVTEX	Có trang bị
3.	Phao vô tuyến định vị vị trí sự cố qua vệ tinh (S.EPIRB)	Có trang bị
4.	Thiết bị truyền thanh chỉ huy	Có trang bị

Chúng nhận rằng bản danh mục này được lập đúng về mọi phương diện.

Cấp tại ----- Cần Thơ ----- Ngày ----- 06 tháng 02 năm 2024 -----

CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

This document is signed electronically in accordance with IMO FAL.5/Circ.39/Rev.2. Validation and authentication can be obtained from <http://xm.vr.org.vn/e-cert> by using ID: 194316 and the Unique Tracking Number (UTN): 01980/23CT-HSC

Nguyễn Ngọc Thoại
Phó Giám đốc
Chi cục đăng kiểm số 8
Cục Đăng kiểm Việt Nam
Bộ Giao thông vận tải

